TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2018/DS-ST.
Ngày: 29/8/2018.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán* – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Văn Chót
2. Ông Nguyễn Văn Sơn
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Khôi – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 184/2018/TLST-DS ngày 06/6/2018 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1697/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2018/QDSST-DS ngày 08/8/2018; Thông báo dời ngày xét xử số 1807/2018/TB-TA ngày 14/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1962 (có mặt);

Trú tại: 274/4 ấp GH, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Trú tại: 48/2 ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2018, bản tự khai, các tài tiệu, chứng cứ có trong vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị C trình bày:

Từ năm 2016, bà C có tham gia 02 dây hụi do bà Nguyễn Thị B làm chủ hụi:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi khui ngày 14/8/2016 âm lịch, có 25 hụi viên, mỗi phần hụi là 1.000.000đ, mỗi tháng đóng một lần. Bà C tham gia 01 phần, bà C đóng được 17 tháng tổng cộng là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). Bà B tuyên bố vỡ hụi vào ngày 05/01/2018. Sau khi trừ đầu thảo 500.000đ, bà B còn nợ bà C số tiền hụi đã đóng cho bà B là 16.500.000đ

- Dây hụi thứ hai: Hụi khui ngày 15/5/2017 âm lịch, có 25 hụi viên, mỗi phần

hụi là 2.000.000đ, mỗi tháng đóng một lần. Bà C tham gia 01 phần, bà C đóng được 8 tháng tổng cộng là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng). Bà B tuyên bố vỡ hụi vào ngày 05/01/2018. Sau khi trừ đầu thảo 1.000.000đ, bà B còn nợ bà C số tiền hụi đã đóng cho bà B là 15.000.000đ.

Tổng cộng bà B còn nợ bà C số tiền hụi đã góp là 31.500.000đ. Do bà C còn nợ bà B số tiền hụi chưa đóng là 6.000.000đ. Nay do bà B đã vỡ hụi mà bà B không hoàn lại số tiền hụi bà C đã góp nên bà C yêu cầu Tòa án buộc bà B hoàn trả lại số tiền góp hụi tổng cộng là 25.500.000đ (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Yêu cầu trả một lần dứt nợ, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Lê Thị C thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng góp hụi". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị B có nơi cư trú tại số nhà 48/2 ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị B đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị B.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Từ năm 2016, bà C có tham gia 02 dây hụi do bà Nguyễn Thị B làm chủ hụi:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi khui ngày 14/8/2016 âm lịch, có 25 hụi viên, mỗi phần hụi là 1.000.000đ, mỗi tháng đóng một lần. Bà C tham gia 01 phần, bà C đóng được 17 tháng tổng cộng là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). Bà B tuyên bố vỡ hụi vào ngày 05/01/2018. Sau khi trừ đầu thảo 500.000đ, bà B còn nợ bà C số tiền hụi đã đóng cho bà B là 16.500.000đ

- Dây hụi thứ hai: Hụi khui ngày 15/5/2017 âm lịch, có 25 hụi viên, mỗi phần hụi là 2.000.000đ, mỗi tháng đóng một lần. Bà C tham gia 01 phần, bà C đóng được 8 tháng tổng cộng là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng). Bà B tuyên bố vỡ

hụi vào ngày 05/01/2018. Sau khi trừ đầu thảo 1.000.000đ, bà B còn nợ bà C số tiền hụi đã đóng cho bà B là 15.000.000đ.

Tổng cộng bà B còn nợ bà C số tiền hụi đã góp là 31.500.000đ. Do bà C còn nợ bà B số tiền hụi chưa đóng là 6.000.000đ. Nay do bà B đã vỡ hụi mà bà B không hoàn lại số tiền hụi bà C đã góp nên bà C yêu cầu Tòa án buộc bà B hoàn trả lại số tiền góp hụi tổng cộng là 25.500.000đ (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Yêu cầu trả một lần dứt nợ, không yêu cầu tính lãi.

[4] Xét yêu cầu trên của bà Lê Thị C, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng góp hụi giữa bà Lê Thị C và bà Nguyễn Thị B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, không bị lừa dối hay ép buộc, cả hai bên đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Sau khi giao kết hợp đồng, bà C đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp hụi theo đúng thời hạn như giao kết. Riêng đối với bà B, trong thời gian thực hiện hợp đồng đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người chủ hụi dẫn đến vỡ hụi. Sau khi bị vỡ hụi bà B không hoàn trả lại số tiền mà bà C đã góp là đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận. Do đó, bà C yêu cầu bà B trả cho bà C số tiền nợ gốc là 25.500.000 đồng là có căn cứ phù hợp với Điều 471 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Nghị định số 144/2006/ND-CP của Chính phủ ngày 27/11/2016 về họ, hụi, biêu, phường;

Áp dụng các Điều 305, 479 Bộ luật Dân sự 2005.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C. Buộc bà Nguyễn Thị B trả cho bà Lê Thị C số tiền 25.500.000đ (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải nộp 1.275.000đ (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Lê Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 637.500đ (Sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0016340 ngày 06 tháng 6 năm 2018.

Đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- VKSND huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đặng Văn Phương